

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày: 11-01-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vũ Hà Nam

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Đức Cảnh

Ông Phạm Văn Thọ

**- Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:** Bà Vũ Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 108/2017/TLST-HS ngày 01/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2017/QĐXXST-HS ngày 25/12/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn T**, sinh năm: 1965; trú tại: 200 Đường H, phường N, Thành phố N, tỉnh Nam Định; dân tộc : Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 7/10; con ông: Bùi Văn Đ (đã chết); con bà: Đinh Thị G, sinh năm: 1923; trú tại: ngõ 215 đường T, phường Ng, Thành phố N, tỉnh Nam Định; gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con út và chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không.

***Nhân thân:***

- Ngày 9/10/1987, Tòa án ND tỉnh Hà Nam Ninh xử 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản công dân.

- Ngày 23/9/1988, Tòa án ND Thành phố Nam Định xử 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân.

- Ngày 27/3/1992, Tòa án ND Thành phố Nam Định xử 36 tháng tù về tội cướp giật tài sản công dân.

- Ngày 15/4/1995, Tòa phúc thẩm, Tòa án ND Tối cao xử 36 tháng tù giam về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân.

- Ngày 31/8/1999, Tòa án ND tỉnh Thái Bình xử 36 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản công dân.

- Ngày 15/5/ 2003, Tòa án ND huyện Vụ bản, tỉnh Nam Định xử 42 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị áp dụng Lệnh bắt khẩn cấp ngày 23/9/2017, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 25/9/2017 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Phạm Trọng Th**, sinh năm: 1960; ĐKKHKT: 2/54/253, đường H, phường L, Thành phố N, tỉnh Nam Định; trú tại: 29/80 đường N, phường T, Thành phố N, tỉnh Nam Định. dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 7/10; con ông: Phạm Văn C (đã chết); con bà: Lê Thị N (đã chết); vợ: Nguyễn Kim O, sinh năm: 1963; có 02 con, con lớn sinh năm: 1982; con nhỏ sinh năm: 1984; gia đình có 7 anh chị em, Th là con thứ 5; tiền án: Ngày 20/9/2016, Tòa án ND Thành phố Nam Định xử 15 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS. Ra trại ngày 27/5/2017; tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 21/02/1981, Tòa án ND Thành phố Nam Định xử 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản công dân.

Ngày 10/11/1999, Tòa án ND Thành phố Nam Định xử 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân.

Bị cáo bị áp dụng Lệnh bắt khẩn cấp ngày 23/9/2017, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 25/9/2017 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Vũ Đại N**, sinh năm: 1981; ĐKKHKT: xóm C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; dân tộc : Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 5/12; con ông: Vũ Trọng B (đã chết); con bà: Trần Thị B, sinh năm: 1948; trú tại: xóm C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; gia đình có 6 anh chị em, N là con thứ 5, chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Ngày 01/09/2004, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Năm 2008 bị Công an huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam bắt đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

Năm 2010 bị Công an huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh bắt đưa đi trại cai nghiện bắt buộc.

Năm 2012 bị Công an Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh bắt đưa đi trại cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 25/9/2017 đến nay. (có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Nguyễn Minh T1**, sinh năm: 1994; ĐKKHKT: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; dân tộc : Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Nguyễn Quốc K, sinh Năm: 1968; con bà: Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm: 1969; vợ: Nguyễn Thị Hương N, sinh năm: 1994;

có 01 con sinh năm: 2016; đều trú tại: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; gia đình có 03 anh chị em, T1 là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 8/11/2017.(bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

- **Anh Trương Đình H**, sinh năm: 1991.

Trú tại: Đội 7, thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Anh Trần Ngọc T2**, sinh năm: 1966.

Trú tại: Số 8/109 B, phường N, Thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Bà Phạm Thị Th**, sinh năm: 1962.

Trú tại: Xóm B, thôn L, xã L, Thành phố N, tỉnh Nam Định.

(những người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/9/2017, tổ tuần tra của phòng CSHS - PC45 - Công an tỉnh Nam Định tiến hành tuần tra, kiểm soát khu vực ngã tư Quốc lộ 10 và đường Trần Huy Liệu xã Mỹ xá, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thì phát hiện Vũ Đại N, sinh năm: 1981, trú tại: xóm C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam ngồi tại quán nước ven đường, bên cạnh dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Wave anpha, BKS: 18H2-7209 có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác Tiến hành kiểm tra hành chính, N không xuất trình được giấy tờ tùy thân và giấy tờ chiếc xe máy trên nên tổ công tác đã đưa đối tượng về trụ sở làm việc. Tại trụ sở CQĐT-Công an tỉnh Nam Định (PC45), Vũ Đại N khai nguồn gốc chiếc xe máy trên là do N mua của Bùi Văn T, sinh năm: 1965, trú tại: 200 Đường H, phường N, Thành phố N, tỉnh Nam Định. N biết là do T trộm cắp mà có nhưng ham rẻ nên vẫn mua với giá 3.000.000 đồng. CQĐT triệu tập Bùi Văn T lên làm việc, T khai nhận trong thời gian từ cuối tháng 8/2017 đến đầu tháng 9/2017, T và Phạm Trọng Th, sinh năm: 1960, trú tại: 2/54/253 đường Hưng Yên, phường Lộc Vượng, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã bàn nhau cùng đi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình sau đó bán cho Vũ Đại N. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Bùi Văn T, Phạm Trọng Th. Tại CQĐT, T, Th khai nhận trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8/2017 đến đầu tháng 9/2017 đã cùng nhau thực hiện 4 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

**Vụ thứ 1:** Khoảng 11h ngày 21/8/2017 T và Th rủ nhau đi trộm cắp xe máy, Th điều khiển xe máy nhãn hiệu Star BKS: 18S4-6517 (xe của Th) chở T đi quanh khu vực Thành phố Nam Định tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi qua cầu Giành, xã Th2 Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định khoảng 200m thì T phát hiện trong lối vào của khu nhà trọ Hùng Viên, thôn Dương Lai, xã Th2 Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định có dựng một chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX, màu trắng

đen, BKS: 36B5-16294 là xe của anh Trương Đình H, sinh năm: 1991, trú tại: đội 7 thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, hiện đang trọ tại nhà trọ Hùng Viên. Xe dựng tại vị trí sát cầu thang lên tầng 2. Quan sát xe không khóa cạnh, không có người trông coi, T bảo Th đứng ngoài cánh giới, T tiến lại gần xe mô tô, dùng vạm phá khóa chuẩn bị từ trước để phá khóa điện, dắt xe ra ngoài nổ máy lên xe tẩu thoát. Th đi theo phía sau. Sau khi trộm cắp được T cùng Th điều khiển xe đi theo đường 21 cũ lên khu vực cầu Dầm, xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Do quen biết từ trước, T gọi điện cho Vũ Đại N nói có xe cần bán. N đồng ý. T và N trực tiếp giao dịch mua bán xe, Th đứng cách đó một đoạn chờ để chờ T về. Khi giao dịch, T có nói với N là xe do trộm cắp mà có. N hỏi xe ở đâu, T nói xe ở Nam Định. N đồng ý mua chiếc xe trên với giá 3.500.000đ. Số tiền bán xe, T chia cho Th 1.200.000đ. Sau khi mua xe xong N tháo biển số xe vứt xuống sông. Do có quen biết và chơi với N từ trước nên Hoàng Mai C, sinh năm: 1994, trú tại: Ma, xã M, Thành phố N, tỉnh Nam Định biết N bán xe nên hỏi mua xe, khi giao dịch mua bán xe C có hỏi về nguồn gốc, giấy tờ, biển số của xe thì N nói là xe của mình, quá trình sử dụng bị mất đăng ký và biển số, vì quen biết với nhau C nghĩ là xe của N nên đồng ý mua xe với giá 5.000.000đ. Ngày 05/10/2017 C tự nguyện giao nộp xe trên cho cơ quan CSĐT.

- Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 17/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh Nam Định kết luận: Chiếc xe máy Wave RSX màu trắng đen BKS: 36B5-16294 có trị giá 15.000.000đ (BL:11).

Cơ quanĐT đã trả lại chiếc xe máy trên cho chủ sở hữu là anh Trương Đình H, sau khi nhận lại tài sản, anh H không có ý kiến gì khác (BL: 295)

**Vụ thứ 2:** Trưa ngày 28/8/2017 T gọi điện rủ Th đi trộm cắp xe máy, Th đồng ý và đi xe máy nhãn hiệu Star BKS: 18S4-6517 đến đón T. Cả hai đi quanh khu vực Thành phố Nam Định tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến kho lương thực đường Phan Đình Phùng, phường Phan Đình Phùng, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thì cả hai phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu nâu, BKS: 18F3-1628 của anh Trần Ngọc T2, sinh năm: 1966, trú tại: 8/109 B, phường N, Thành phố N, tỉnh Nam Định dựng trên vỉa hè. Quan sát thấy không có người trông coi, Th đứng dưới lòng đường cánh giới, T tiến đến chiếc xe dùng vạm phá khóa đã chuẩn bị từ trước phá khóa điện, nổ máy tẩu thoát, Th đi sau T, sau khi trộm cắp được T gọi điện hỏi N có xe Dream mua không? N đồng ý. T và Th điều khiển mỗi người một xe đi theo đường 21 cũ lên khu vực cầu Dầm, xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. T và N giao dịch mua bán xe với nhau, T có nói với N là xe do trộm cắp mà có nhưng ham rẻ nên N đồng ý mua với giá 3.000.000đ. Số tiền bán xe trên T chia cho Th 700.000đ. Sau khi mua xe xong N tháo BKS 18F3-1628 để tại nhà. Thông qua anh Vũ Văn P, sinh năm: 1984, trú tại: xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam (là em trai N) có giới thiệu, khoảng đầu tháng 9/2017, Nguyễn Minh T1 cùng anh P lên khu vực nhà N để T1 và N giao dịch mua bán xe với nhau. Khi gặp N, T1 hỏi xe đâu thì N có dẫn T1 đi bộ vào nhà ở góc chợ Dầm cách nhà N khoảng 100m, N bảo

T1 đứng chờ và vào hẻm nhà đất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream ra cho T1 xem. Khi kiểm tra xe bật khóa điện T1 thấy chìa khóa bị hóc khó mở nên hỏi N thì N nói không phải chìa khóa của xe, hỏi giấy tờ xe thì N trả lời xe không giấy tờ, xe không đeo BKS, hỏi N xe ở đâu thì N trả lời xe lấy ở Nam Định. Khi mua xe T1 nghi ngờ chiếc xe này do trộm cắp được mà có nhưng vì ham rẻ, T1 đồng ý mua xe với giá 4.000.000đ. Sau khi mua xe xong T1 đi đón bạn là Trương Duy G, sinh năm: 1985, trú tại: Khu A, Thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định, khi 2 người vào quán sửa xe thì G nói “xe không biển dễ là xe trộm lắm” cộng với việc do nghi ngờ từ trước, lúc này T1 nhận thức được chiếc xe do N trộm cắp được hoặc N mua xe trộm cắp của người khác bán cho T1 nhưng T1 vẫn mua về sử dụng. Sau đó T1 điều khiển chiếc xe trên chở G đến gửi xe tại nhà Phạm Văn G, sinh năm: 1997, trú tại: Khu A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định, chìa khóa vẫn cắm tại xe rồi đi chơi. Lưu Bá Th2, sinh năm: 1991, trú tại: Khu A, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định do có quen biết với Hào, T1, G2 nên đã mượn chiếc xe trên với mục đích đi cầm cố. Khi mượn xe Th2 có nhắn tin cho G; G có nói lại cho T1 biết, cả G và T1 đều đồng ý cho Th2 mượn xe. Tuy nhiên Th2 chưa cầm cố được chiếc xe trên, khi biết chiếc xe là xe vật chứng Th2 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT.

- Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 17/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh Nam Định kết luận: Chiếc xe máy Honda Dream màu nâu BKS: 18E3-1628 có trị giá 15.000.000đ (BL:297).

Cơ quanĐT đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh Trần Ngọc T2, sau khi nhận lại tài sản, anh T2 không có ý kiến gì khác (BL: 309)

Quá trình điều tra, Nguyễn Minh T1 khai nhận biết chiếc xe trên là do trộm cắp mà có nhưng vì ham rẻ nên vẫn mua lại của Vũ Đại N. Ngày 08/11/2017, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh đã ra QĐ khởi tố bị can đối với Nguyễn Minh T1 về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 250 BLHS.

**Vụ Thứ 3:** Khoảng 9 giờ 30 ngày 03/9/2017, Bùi Văn T gọi điện rủ Phạm Trọng Th đi trộm cắp xe máy, Th đồng ý và dùng xe máy nhãn hiệu SYM- Star BKS: 18S4- 6517 chở T đi theo hướng đường 10 sang TP Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Khi đi đến khu tập thể nhà máy điện 5 tầng thuộc phố Ngọc Mỹ, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda-RSX màu đen-cam, BKS: 35B1-65310 dựng trước dãy nhà tập thể điện, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình không có người trông coi, Th đứng ngoài cảnh giới, T đi bộ lại gần chiếc xe dùng vạm phá khóa mang theo từ trước đến phá khóa điện chiếc xe máy trên sau đó nổ máy tẩu thoát, T điều khiển xe vừa trộm cắp chạy đến khu vực cầu Dầm, xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam gọi N hỏi có mua xe Wave không?. Sau khi xem xe xong N đồng ý mua với giá 3.000.000đ. Khi giao dịch, Tôm cú nủi với N là xe do trộm cắp được mà có, N vẫn đồng ý mua. Do Th không theo kịp T nên sau khi bán xe xong, T gọi Th đến đón tại khu vực cầu Dầm và cùng đi về Thành phố Nam Định. Số tiền bán xe T chia cho Th 1.100.000đ. Sau khi mua xe N tháo BKS vứt xuống sông và mang xe

đến nhờ Hoàng Mai C, sinh năm: 1994, trú tại: M, xã M, Thành phố N, tỉnh Nam Định tìm người bán hộ chiếc xe này, khi nhờ C bán hộ chiếc xe N không nói rõ nguồn gốc của xe và C cũng không hỏi. Trong quá trình giữ chiếc xe trên, C chưa bán được cho ai, sau đó cho một người bạn mượn để đi lại. Khi được cơ quan Công an thông báo, ngày 06/10/2017 C đó tự nguyện giao nộp chiếc xe máy trên cho cơ quan CSĐT.

Do vụ việc “Trộm cắp tài sản” nêu trên xảy ra tại địa bàn Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình nên cơ quan CSĐT -Công an tỉnh Nam Định có công văn trao đổi với cơ quan CSĐT -Công an Thành phố Ninh Bình nơi xảy ra tội phạm, về quan điểm xử lý. Tại công văn số 575 ngày 26/10/2017 của cơ quan CSĐT - Công an Thành phố Ninh Bình có quan điểm sẽ khởi tố vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản” để điều tra xử lý theo thẩm quyền. Vì vậy cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Nam Định tách ra chuyển toàn bộ phần tài liệu, vật chứng liên quan đến vụ TCTS nêu trên đến cơ quan CSĐT -Công an Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**Vụ thứ 4:** Khoảng 9h ngày 6/9/2017, Bùi Văn T gọi điện rủ Phạm Trọng Th đi trộm cắp xe máy, Th đồng ý và điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Star BKS: 18S4-6517 đến đón T, cả hai đi quanh Thành phố Nam Định tìm sở hở để trộm cắp, khi đi đến khu vực tổ 24, khu Bãi Viên, phường Trường Thi, Thành phố Nam Định thì phát hiện có khoảng 7,8 chiếc xe máy đang dựng ở sân trước một nhà dân, không có người trông coi. Th đứng ngoài cánh giới, T tiến đến khu vực để xe. Thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Wave  $\alpha$ , màu đen - bạc, BKS: 18H2-7209 là xe của chị Phạm Thị Th, sinh năm: 1962, trú tại: xóm B, thôn L, xã L, Thành phố N, tỉnh Nam Định dựng ở ngoài cùng, dễ lấy trộm. T dùng chiếc vạm phá khóa hình chữ T giấu sẵn trong người phá ổ khóa điện của xe. T dắt xe xuống lòng đường rồi lên xe, nổ máy tẩu thoát. Thấy T đã trộm cắp được xe, Th cũng điều khiển xe chạy theo sau. Cả hai điều khiển xe chạy ra đường Giải Phóng, rẽ ra đường Điện Biên đi thẳng lên cầu Dầm, xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo đường 21 cũ. Khi đi đến khu vực gần khu vực cầu Dầm, T gọi điện thoại cho N chào bán chiếc xe Wave, N đồng ý. Sau đó tại điểm hẹn T và N trực tiếp giao dịch mua bán xe với nhau, T nói rõ xe do trộm cắp được mà có. N xem xe xong đồng ý mua với giá xe là 3.000.000 đồng. Số tiền bán xe T chia cho Th 800.000 đồng Sau khi mua xe, N tháo BKS vứt xuống sông và lấy BKS 18F3-1628 lắp vào xe làm phương tiện đi lại. Đến ngày 20/9/2017, N điều khiển chiếc xe máy trên từ nhà đến khu vực ngã tư Quốc lộ 10 và đường Trần Huy Liệu thuộc xã Mỹ Xá, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để bán xe thì bị lực lượng Công an kiểm tra do không xuất trình được giấy tờ xe nên lực lượng Công an đưa người, phương tiện về trụ sở để làm việc.

- Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 17/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS tỉnh Nam Định kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu đen- bạc có giá 8.000.000đ (BL:10).

CQĐT đã trả lại chiếc xe máy trên cho bị hại là chị Phạm Thị Th. Sau khi nhận lại tài sản, chị Th không có ý kiến gì khác (BL:330).

**\*/ Về việc thay đổi tội danh đối với Vũ Đại N:**

- Quá trình điều tra xác định: Khi gặp lại N vào khoảng 4/2017 tại nhà N thì qua câu chuyện, N nói với T tìm cho con xe rẻ tiền làm phương tiện đi lại, T tự hiểu là khi nào trộm cắp được xe thì bán lại cho N. T khai N không nói trực tiếp với nội dung: “khi nào trộm cắp được thì bán lại cho N”. Sau những lần trộm cắp được, T đều chủ động gọi điện hẹn bán xe cho N. Giữa các lần trộm cắp N không hẹn với T khi nào trộm cắp được sẽ bán xe cho N.

- Vũ Đại N khai: Tháng 4/2017 khi gặp T tại nhà mình, N có nói với T là: anh xem có xe máy rẻ tiền thì kiếm cho em, chứ không nói là khi nào trộm cắp được xe thì bán lại. Khi mua xe N khai nhận giao dịch trực tiếp với T, Th đi cùng nhưng đều đứng cách xa một đoạn, khi mua bán xe thì T mới nói cho N biết là xe trộm cắp được mà có. Sau mỗi lần mua xe N không hẹn với T việc khi nào trộm cắp được xe thì bán lại cho N.

Lý do những lần khai trước khai chưa đúng N thừa nhận việc bản thân có sử dụng ma túy đá nên tinh thần không được tỉnh táo, vì vậy trước đây khai nhận việc nói với T “khi nào trộm cắp xe thì bán lại” là chưa đúng. Sau khi bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh, tinh thần tỉnh táo và khai báo như nội dung sau là đúng bản chất sự việc.

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Đại N từ tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điều 138 BLHS thành tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại điều 250 BLHS.

***Về vật chứng của vụ án gồm:***

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xám đã qua sử dụng; 950.000 đồng tiền Việt Nam; 01 CMND số 182437818 mang tên Bùi Văn T cấp ngày 21/2/2007; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Star 110, màu xanh, BKS: 18S4-6517; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo, màu xanh, đã qua sử; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm lưỡi trai màu xanh, phía trước có chữ “BURBERRY ” và “LONDON” đó cũ, đó được chuyển đến kho vật chứng Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định, theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Nam Định, Bùi Văn T, Phạm Trọng Th, Vũ Đại N, Nguyễn Minh T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 106/QĐ-KSĐT ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Bùi Văn T và Phạm Trọng Th về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 BLHS; Vũ Đại N và Nguyễn Minh T1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Trọng Th, Vũ Đại N, Nguyễn Minh T1 đã Th2 khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa đã luận tội đối với các bị cáo sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T từ 30 đến 33 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Phạm Trọng Th từ 30 đến 33 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điểm p khoản 1 điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Vũ Đại N từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T1 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách gấp đôi, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho những người bị hại, trong quá trình giải quyết vụ án những người bị hại không có yêu cầu gì khác, do vậy không đề cập giải quyết.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong thời gian từ cuối tháng 8/2017 đến đầu tháng 9/2017, Bùi Văn T và Phạm Trọng Th đã bàn cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Nam Định, tài sản trộm cắp là 03 chiếc xe máy với tổng trị giá 38.000.000đ. Sau đó T bán cho Vũ Đại N 03 chiếc xe máy trên lấy 9.500.000đ. N bán cho Nguyễn Minh T1 01 chiếc xe máy (vụ thứ 3) lấy 4.000.000đ. Khi mua xe, N, T1 biết rõ những chiếc xe máy trên là tài sản do trộm cắp mà có. Như vậy hành vi phạm tội của các bị cáo Bùi Văn T và Phạm Trọng Th đã có đủ các yếu tố cấu Th2 tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS; các bị cáo Vũ Đại N và Nguyễn Minh T1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do*

*người khác phạm tội mà có*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS như cáo trạng số 106/QĐ-KSĐT, ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đồng thời tác động xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội, bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự cũng như khả năng nhận thức về những điều cấm của pháp luật trong việc bảo vệ quyền sở hữu về tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này bị cáo Bùi Văn T là kẻ khởi xướng, rủ rê và cùng với bị cáo Phạm Trọng Th trực tiếp thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản. Vì vậy bị cáo T được xác định là kẻ có vai trò chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Phạm Trọng Th, được xác định là kẻ đồng phạm tích cực. Vì vậy Th được xác định là kẻ có vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với bị cáo Vũ Đại N là người có hành vi tiêu thụ 03 chiếc xe máy là tài sản do bọn T, Th phạm tội mà có. Vì vậy N được xác định là kẻ có vai trò thứ ba trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh T1 là người có hành vi tiêu thụ 01 chiếc xe máy là tài sản do bọn T, Th phạm tội mà có. Vì vậy T1 được xác định là kẻ có vai trò thứ tư trong vụ án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T, Th, N, T1 đều đã Th2 khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Riêng đối với bị cáo T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xét thấy các bị cáo T, Th có 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo N có 03 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, trong đó giá trị tài sản trong mỗi vụ đều trên 02 triệu đồng, vì vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS. Riêng bị cáo Th đã có tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma T2y” chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS.

[6] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. HĐXX xét thấy cần:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS để xử phạt đối với các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Trọng Tuy về tội “Trộm cắp tài sản” và phải cách ly bị cáo ra khỏi xã một thời gian để cải tạo và giáo dục đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự để xử phạt đối với bị cáo Vũ Đại N và phải cách ly bị cáo ra khỏi xã một thời gian để cải tạo và giáo dục đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1. Xét thấy bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 điều 46 BLHS, từ trước tới nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ N vụ của người công dân, có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng. Vì thế không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể cải tạo giáo dục được đối với bị cáo.

[7] Truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo Bùi Văn T là 6.800.000 đồng, của bị cáo Phạm Trọng Th là 2.700.000 đồng; của bị cáo Vũ Đại N là 2.500.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho những người bị hại, trong quá trình giải quyết vụ án những người bị hại không có yêu cầu gì khác, do vậy không đề cập giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước Nhà nước một số vật chứng là công cụ pH tiện mà các bị cáo sử dụng dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội đã được thu giữ theo biên bản có trong hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí hình sự: Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Trọng Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Các bị cáo Vũ Đại N, Nguyễn Minh T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”:

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2017, về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Trọng Th 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2017, về tội “Trộm cắp tài sản”.

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điểm p khoản 1 điều 46, Điểm g khoản 1 điều 48 BLHS: Xử phạt bị cáo Vũ Đại N 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2017, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 18 (mười T) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T1 cho UBND xã Yên Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Truy thu để sung quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo cụ thể như sau: Của bị cáo Bùi Văn T là 6.800.000đ (sáu triệu T trăm nghìn đồng); của bị cáo Phạm Trọng Th là 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng); của bị cáo Vũ Đại N là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS:

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước một số vật chứng sau đây:

- 01 (một) mũ bảo hiểm lưỡi trai màu xanh, phía trước có chữ Bberry và London đã cũ thu giữ của bị cáo Th.

- 01 (một) moto nhãn hiệu SYM Star 110 màu xanh BKS: 18S4-6517 thu giữ của bị cáo Th.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Th.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xám đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo N.

Tuyên trả lại số tiền Việt Nam 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Bùi Văn T. Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Văn T:

- 01 (một) chứng minh nhân dân số 182437818 mang tên Bùi Văn T cấp ngày 21-2-2007.

(Chi tiết vật chứng tại biên bản giao nhận vật chứng số 15/18 ngày 24/11/2017 giữa phòng PC45 - Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 98, 99 BLTTHS; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Trọng Th, Vũ Đại N, Nguyễn Minh T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, đã báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND.CC và VKSND.CC;
- VKSND và CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM . ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Vũ Hà Nam**